

Việt Nam

Bảng 3.22: Việt Nam, chỉ số quan trọng, năm 2017

Quốc gia	GDP trên đầu người (USD)	Dân số (triệu người)
Việt Nam	2343	95.54

Nguồn: data.worldbank.org/indicator.

**Bảng 3.23: Tài trợ của ACIAR dành cho Việt Nam,
Giai đoạn 2016–17 đến 2018–19**

Năm	Triệu AUD
2016–17 (thực tế)	4.9
2017–18 (dự kiến thực tế)	5.1
2018–19 (ngân sách)	5.6



Các dự án hiện nay và dự án đề xuất

1. **ADP/2014/047**—Hoàn thiện chính sách rừng trồng để cân bằng nhu cầu giữa các chủ rừng quy mô nhỏ, công nghiệp chế biến gỗ và môi trường ở Lào và Việt Nam
2. **ADP/2016/140**—Phân tích chính sách an toàn thực phẩm và thương mại ở Việt Nam
3. **ADP/2018/120**—Đánh giá và cải thiện chính sách thu hút đầu tư trong ngành nông nghiệp Việt Nam
4. **AGB/2012/059**—Xây dựng hệ thống sản xuất – kinh doanh rau bền vững và hiệu quả ở khu vực Tây Bắc Việt Nam và Úc
5. **AGB/2012/061**—Cải thiện thu nhập của nông dân thông qua việc phát triển thị trường chiến lược trong chuỗi cung ứng xoài ở miền Nam Việt Nam
6. **AGB/2012/078**—Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sản phẩm quy mô nhỏ ở Việt Nam và Indonesia
7. **AGB/2014/035**—Cải thiện sinh kế ở Myanmar và Việt Nam thông qua chuỗi giá trị rau
8. **AGB/2016/006**—Hỗ trợ tiếp cận thông tin nghiên cứu, truyền thông, hợp tác và phát triển năng lực để phát triển cây xoài
9. **AGB/2016/007**—Thách thức và cơ hội để đáp ứng yêu cầu của thị trường xoài Trung Quốc
10. **AGB/2016/008**—Cơ hội và chiến lược cải thiện an toàn sinh học, tiếp cận thị trường và thương mại cho một số thị trường xoài
11. **AGB/2016/009**—Nâng cao chất lượng xoài trong chuỗi cung ứng xoài Châu Á
12. **AGB/2016/010**—Cơ hội ưu tiên trong chế biến xoài ở một số thị trường trọng điểm
13. **AGB/2016/032**—Phát triển hệ thống ứng phó khẩn cấp và chiến lược lâu dài đối với bệnh vi rút khảm lá sần ở Campuchia và Việt Nam
14. **AGB/2016/163**—Chuỗi giá trị tài chính mang tính đổi mới
15. **AGB/2016/196**—Phát triển chăn nuôi gia súc và thịt bò toàn diện bền vững ở Châu Á
16. **AGB/2017/008**—Lồng ghép giới và hội nhập xã hội vào công tác nghiên cứu chuỗi giá trị nông nghiệp ở Việt Nam
17. **AGB/2017/036**—Nâng cao liên kết giữa nông hộ nhỏ và thị trường thông qua tối ưu hóa vận tải và cơ sở hạ tầng logistics
18. **CIM/2016/046**—Chọn giống để giảm tỉ lệ gạo đốm gãy
19. **FIS/2010/100**—Nâng cao năng lực sản xuất nhuyễn thể ở miền Bắc Việt Nam và Australia
20. **FIS/2012/101**—Phát triển công nghệ cá song vua (*Epinephelus lanceolatus*) ở Việt Nam, Philippines và Úc
21. **FIS/2016/122**—Nâng cao năng lực sản xuất hải sản dựa vào cộng đồng tại Việt Nam và Philippines
22. **FIS/2016/126**—Phát triển ngành nuôi trai lấy ngọc tại Tonga và Việt Nam
23. **FST/2012/091**—Kiểm soát sinh học các loài côn trùng gây hại rừng trồng Bạch đàn ở khu vực sông Mê Kông
24. **FST/2014/064**—Tối ưu hóa năng suất và lợi nhuận rừng trồng keo và bạch đàn tại Indonesia và Việt Nam
25. **FST/2014/068**—Chiến lược quản lý bệnh hại keo ở Indonesia và Việt Nam
26. **FST/2016/152**—Thúc đẩy và mở rộng Nông lâm kết hợp hướng theo thị trường và các giải pháp phục hồi rừng cho vùng Tây Bắc Việt Nam
27. **GP/2016/093**—Giám sát đầu tư nghiên cứu nông nghiệp, năng lực và tác động ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương
28. **LPS/2015/037**—Chăn nuôi thâm canh bò thịt trong các hệ thống canh tác đất dốc vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam
29. **LPS/2016/027**—Đánh giá hệ thống sản xuất và tiếp thị dê ở Lào và liên kết thị trường vào Việt Nam
30. **LPS/2016/097**—Cập nhật SoFT (Lựa chọn thức ăn cho gia súc tại vùng nhiệt đới)
31. **LS/2016/143**—Safe pork: Cách tiếp cận thị trường nhằm cải thiện an toàn toàn thịt lợn tại Việt Nam
32. **LS/2017/034**—Hệ thống chăn nuôi dê nông hộ nhỏ và phát triển thị trường ở Lào và Việt Nam
33. **SLaM/2018/123**—Đánh giá phân bón sinh học để cải thiện cây trồng ở các nước khu vực sông Mê Kông
34. **SMCN/2010/083**—Nâng cao tính bền vững của hệ thống canh tác tôm – lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam
35. **SMCN/2012/069**—Quản lý tổng hợp nước, đất và dinh dưỡng cho các hệ thống canh tác bền vững ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Việt Nam và Úc
36. **SMCN/2014/049**—Nâng cao các hệ thống canh tác ngô trên vùng đất dốc tại Việt Nam và Lào
37. **LWR/2017/029**— Các lựa chọn giảm phát thải cho Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Fiji và Việt Nam